

Bản án số: 107/2022/DS-PT

Ngày: 30 - 3 - 2022

Tranh chấp về dân sự - chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/8, 21/9, 20/10, 18/11, 15/12 của năm 2021 và các ngày 12/01, 11/02, 11/3, 30/3 của năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về dân sự - chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 213/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số XX, Nguyễn H, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm 1963 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968- theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2020 (*bà D có mặt*).

Cùng địa chỉ: Số XX, LY Thường K, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1968 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số XX, LY Thường K, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị D:

Luật sư Trần Vĩ Cường- Công ty Luật TNHH MTV Kiến Đạt thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

Địa chỉ: Số 115, Nguyễn Văn Nghi, phường 7, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số XX, LY Thường K, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T: Ông Trần Đình Hải, sinh năm 1989- theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2021 (*Ông Hải có mặt*).

Địa chỉ: Số XX, Nguyễn H, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1976 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc T1: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968 (*có mặt*).

Cùng địa chỉ: Số XX, LY Thường K, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Nguyễn Thị A, sinh năm 1951 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số XX, Nguyễn H, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959- theo văn bản ủy quyền ngày X7/10/2021 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số XX, Nguyễn H, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Nguyễn Văn S, sinh năm 1954 (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ XX, khóm X, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956 (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Số XX, Nguyễn H (Quốc lộ 30 cũ), phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Nguyễn Văn Y, sinh năm 1957 (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Số nhà XX/3, Nguyễn H, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 2000 (*có đơn xin vắng mặt*).

3.9. Nguyễn Yến P, sinh ngày 29-3-2002 (*có đơn xin vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Số nhà XX, LY Thường K, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bà T đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A trình bày: Cụ Nguyễn Văn L (1920-1995) và cụ Nguyễn Thị T3 (1928-1958) có tất cả 05 người con gồm: Nguyễn Thị A, sinh năm 1951; Nguyễn Văn S, sinh năm 1954; Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956; Nguyễn Văn Y, sinh năm 1957; Nguyễn Thị T, sinh năm 1959. Khoảng năm 1958, cụ Tr3 chết. Đến năm 1961, cụ L kết hôn với cụ Trần Thị K (1931-2005). Cụ L và cụ K có 04 người con gồm: Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; Nguyễn Thị D, sinh năm 1968; Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1976.

Khi còn sống cụ L và cụ Th có tạo lập được tài sản là căn nhà gắn liền diện tích đất 64m², thửa 395, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại số 51, LY Thường K, Phường X, thị xã Cao L (nay là số XX, LY Thường K, Phường X, thành phố Cao L) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4901020703 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn L (chết) ngày 30/6/2000. Hiện nay, đất và nhà do bà P, bà D và bà T1 đang quản lý, sử dụng.

Năm 2003, cụ K lập tờ di chúc với nội dung sau khi cụ K chết thì căn nhà gắn liền diện tích đất tọa lạc tại số XX, tổ 28, LY Thường K, Phường 2, thành phố Cao L sẽ được chia đều cho hàng thừa kế là các chị em gồm: Nguyễn Thị A; Nguyễn Thị T; Nguyễn Thị P; Nguyễn Thị T; Nguyễn Thị D; Nguyễn Thị Ngọc T1. Theo nội dung tờ di chúc thì nếu một trong 06 người con ai muốn giữ lại căn nhà thì phải trả giá trị cho những người thừa kế bằng phần di sản người đó hưởng (được tính theo thời giá).

Cụ K chết ngày 03/5/2005. Sau đó, bà T có yêu cầu chia phần di sản thừa kế do cụ K để lại nhưng bà D không đồng ý. Do ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Y và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L, cụ K để lại nên bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao L giải quyết chia căn nhà gắn liền diện tích đất tọa lạc tại số 51, LY Thường K, phường 2, thị xã Cao L, tỉnh Đồng Tháp (nay là số XX, tổ 28, LY Thường K, Phường 2, thành phố Cao L) làm 06 phần bằng nhau.

Bà T tạm tính căn nhà có giá trị là 8.000.000.000 đồng. Như vậy, mỗi phần có giá trị là 1.333.000.000 đồng. Bà T yêu cầu được hưởng một phần di sản thừa kế với số tiền 1.333.000.000 đồng. Bà T đồng ý để cho bà P, bà D và bà T1 được tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu căn nhà gắn liền diện tích đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D và bà D là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày: Bà D, bà P và bà T1 thống nhất lời

trình bày của bà T về cha ruột, quan hệ vợ chồng của cha ruột và anh chị em ruột.

Khi còn sống, cụ L và cụ K có nhiều tài sản và có nhiều con nên ngày 26/6/1984 cụ Lực có lập di chúc chia tài sản cho con như sau:

- Căn nhà số 01, đường Nguyễn H, phường 2, thị xã Cao L (thành phố Cao L) chia cho 03 người con là Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Y. Riêng Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị A mỗi người 01 lượng vàng và được ở trong căn nhà cùng với ba người con trai.

- Căn nhà ở tổ 11, đường Gia Long thì cho 04 người con gái Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc T1.

Các con đều có kY tên và nhận di sản tại căn nhà số 01, đường Nguyễn H. Riêng căn nhà ở tổ XX, đường Gia L thì cho 04 người con gái Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc T1 sống chung với cha mẹ. Năm 1989, cụ L và cụ K bán căn nhà tại tổ XX, đường Gia L để mua lại căn nhà số XX, LY Thường K, Phường 2, thành phố Cao L và ông bà vẫn sống chung với 04 người con gái tại đây đến ngày chết.

Khi còn sống, cụ Trần Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2000, diện tích 64m², thửa 140, tờ bản đồ số 08 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà một trệt 02 lầu. Sau khi cụ K chết, đến năm 2016, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc T1 thống nhất cho bà Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cấp ngày 05-10-2016 cho Nguyễn Thị P. Cụ K thường ngày sống với 04 người con gái ruột nên việc cụ K lập di chúc năm 2003 là hoàn toàn không có thật. Hơn nữa, thời điểm đó cụ K bị lẫn, trí nhớ không minh mẫn. Nay Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Ngọc T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T, bà A, bà T.

Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế căn nhà và đất số XX, đường LY Thường K, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp là di sản của cụ L và cụ K cụ thể như sau:

Phần cụ Khén chia cho 04 người con gồm: P, T, D, T1.

Phần cụ Lực chia 08 phần gồm: A, T, P, T, D, T1; 01 phần công nuôi cha mẹ, chôn cất thờ cúng và 01 phần công cải tạo giữ gìn di sản, bà D yêu cầu nhận hiện vật, hiện căn nhà do bà D, P, T1 đang quản lý sử dụng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T là ông Trần Đình Hải trình bày: Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị T thống nhất lời trình bày của bà T về nguồn gốc tài sản tranh chấp, quan hệ thừa kế, quá trình sử dụng đất và lập di chúc.

Nay bà A và bà T yêu cầu được hưởng mỗi người 1/6 di sản thừa kế với số tiền 1.333.000.000 đồng (thống nhất căn nhà và đất trị giá là 8.000.000.000 đồng). Bà A, bà T đồng ý để cho bà P, bà D và bà T1 được tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu căn nhà gắn liền diện tích đất.

Ông Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Y có văn bản trình bày: Trước kia, căn nhà số 01, đường Nguyễn H cha mẹ chia cho các con trai; căn nhà số XX, đường LY Thường K chia cho các con gái nhưng bà D không đồng ý chia. Nay các ông không khởi kiện chia thừa kế.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 246 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 623, các Điều 625, 629, 630, 657 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị A.

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị A được chia giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Lực và cụ Trần Thị Khén để lại mỗi người là 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới trả giá trị di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị A mỗi người số tiền 1.250.000.000 đồng (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 được cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và sử dụng căn nhà số XX, đường LY Thường K, Phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/4/2018, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 26/11/2020 và sơ đồ mốc, bản đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao L).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà A, bà T, bà P, bà T, bà D, bà T1 về tổng chi phí sửa chữa nhà là 300.000.000 đồng: Bà T, bà A mỗi người có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng số tiền là 4.262.000 đồng, do bà T tạm ứng và chi xong; bà A, bà T, bà P, bà T (do bà D chịu), bà D và bà T1 mỗi người có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 710.333 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị A được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 25.995.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000014 ngày 16/11/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 25.995.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007435 ngày 08/12/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 8.245.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007544 ngày 07/12/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao L, Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 113.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 10/5/2021 và 17/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị T kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa P thẩm xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa P thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa P thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị T (có anh Trần Đình Hải đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị D kháng cáo không công nhận di chúc ngày 17/02/2003, bà cho rằng di chúc này là không hợp pháp vì thời điểm này cụ K bị ốm cườm, mắt không nhìn thấy đường, còn những người làm chứng là ông Nguyễn An P, Nguyễn Văn C đã chết. Bà D công nhận nội dung Tờ thỏa thuận ngày 07/7/2005 giữa bà với bà Nguyễn Thị T, theo nội dung Tờ thỏa thuận này thì bà D đã đưa cho bà T 50.000.000 đồng và bà T đồng ý không còn nhận bất kỳ tài sản nào nữa, kể cả tài sản của cha mẹ để lại và tài sản trong nhà. Bà D đề nghị sửa bản án sơ thẩm và yêu cầu chia thừa kế như sau: Thống nhất giá trị căn nhà và đất là 8.000.000.000 đồng. Phần cụ L có giá trị là 4.000.000.000 đồng chia làm 08 phần (mỗi phần 500.000.000 đồng) gồm: Chia 06 phần cho 06 người con gái là A, T, P, T, D, T1; phần thứ 07 là phần công bà D nuôi cha mẹ, chôn cất, thờ cúng; phần thứ 08 là công bà D cải tạo, gìn giữ di sản. Phần cụ Khén có giá trị là 4.500.000.000 đồng (trong đó phần riêng của cụ K hưởng từ cụ L là 500.000.000 đồng) chia làm 04 phần (mỗi phần là 1.125.000.000 đồng) cho các bà P, T, D, T1; bà D được hưởng thêm phần của bà T, nên được hưởng là 2.250.000.000 đồng (1.125.000.000 đồng x 2). Bà D bỏ ra chi phí sửa chữa nhà 300.000.000 đồng nên các bà P, T, T mỗi người phải trả cho bà D chi phí này là 50.000.000 đồng, do phần thừa kế của bà T giao cho bà D hưởng nên bà T không phải trả chi phí này cho bà D. Bà T, bà A mỗi người được hưởng 500.000.000 đồng thừa kế phần cụ Lực, nên có trách nhiệm mỗi người trả cho bà D 50.000.000 đồng chi phí sửa chữa nhà, vậy mỗi người còn được hưởng 450.000.000 đồng. Tổng cộng bà D được hưởng 3.950.000.000 đồng. Bà D yêu cầu nhận hiện vật.

Bà Nguyễn Thị T (đại diện theo ủy quyền là anh Trần Đình Hải) kháng cáo không công nhận Y kiến của bà D về Tờ thỏa thuận ngày 07/7/2005, bên bà T cho rằng Tờ thỏa thuận này là có thật nhưng nó được bà T và bà D thỏa thuận về việc hai chị em góp vốn mua nền nhà tại phường 3, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp khi bán nền nhà bà D đưa tiền cho bà T chứ không phải tiền nhận chia thừa kế, nhưng bên bà T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc mua bán nền nhà, thỏa thuận giao nhận tiền mua bán nền nhà như lời trình bày của mình. Bên bà T thừa nhận di chúc ngày 17/02/2003 do cụ K lập có hai người làm chứng là di chúc hợp pháp, thống nhất giá trị nhà và đất chia thừa kế là 8.000.000.000 đồng và yêu cầu chia thừa kế cho bà T được hưởng 1.333.000.000 đồng (tương đương 1/6 giá trị di sản thừa kế).

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị D trình bày cho rằng di chúc do cụ K lập ngày 17/02/2003 là vi phạm pháp luật do lời chứng của các ông Nguyễn An P, Nguyễn Văn C không rõ ràng, không xác định các ông này có đứng gần chứng kiến cụ K lập di chúc hay không? Tòa án cấp sơ thẩm công nhận lời chứng của ông Phong, ông C là chưa thuyết phục. Ông Lê Văn X thì Tòa án cấp sơ thẩm đã làm rõ là không trực tiếp chứng kiến,

không xem lời chứng, lời khai của ông X là chứng cứ. Kết quả giám định sức khỏe của cụ K thời điểm đó có ghi là thị lực cụ K hai mắt đếm được bóng ngón tay cách 50cm, ở đây phải hiểu là đếm được bóng ngón tay chứ không phải đếm được bóng ngón tay, do đó có cơ sở khẳng định thị lực của cụ K rất yếu do chỉ đếm được bóng ngón tay mà thôi. Căn cứ vào “Cẩm nang phân loại liên quan đến hậu quả của bệnh tật được công bố theo Nghị quyết WHA29.35 của Đại hội đồng y tế thế giới lần thứ 29- tháng 5/1976”- Tài liệu của WHO (Tổ chức y tế thế giới) quy định về suy giảm về mắt thì thời điểm này sức nhìn của cụ K là rất yếu, không đủ điều kiện để lập và ký di chúc. Vì vậy đủ cơ sở để khẳng định di chúc ngày 17/02/2003 là di chúc không hợp pháp, có dấu hiệu giả mạo, đề nghị Tòa án điều tra làm rõ việc giả mạo này. Do di chúc ngày 17/02/2003 là giả mạo, nên đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị D, sửa bản án sơ thẩm, chia cho bà D được hưởng di sản thừa kế tương đương giá trị là 3.950.000.000 đồng như bà D trình bày và bà D yêu cầu được nhận hiện vật, bà D sẽ trả giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa P thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu Ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong vụ án này, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa P thẩm.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu Ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, đơn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị T còn trong hạn luật định, đúng trình tự, thủ tục, nên chấp nhận.

Tại phiên tòa P thẩm, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà

Nguyễn Thị P chia thừa kế tài sản là chia căn nhà gắn liền diện tích đất tọa lạc tại số 51, đường LY Thường K, phường 2, thị xã Cao L, tỉnh Đồng Tháp (nay là số XX, đường LY Thường K, tổ 28, phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp), nên Tòa án nhân dân thành phố Cao L thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về dân sự - chia thừa kế” là phù hợp với quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D đối với Bản án sơ thẩm, bà D yêu cầu Tòa án cấp P thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu của bà về việc chia thừa kế căn nhà và đất tại Số XX, đường LY Thường K, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp là di sản của cụ L và cụ K để lại, cụ thể như sau: Bà D không công nhận tính hợp pháp của di chúc được nguyên đơn cho là do cụ K lập vào ngày 17/02/2003, nên yêu cầu chia di sản thừa kế theo hướng thống nhất giá trị căn nhà và đất là 8.000.000.000 đồng. Phần cụ L có giá trị là 4.000.000.000 đồng chia làm 08 phần (mỗi phần 500.000.000 đồng) gồm: Chia 06 phần cho 06 người con gái là A, Thủy, P, T, D, T1; phần thứ 07 là phần công bà D nuôi cha mẹ, chôn cất, thờ cúng; phần thứ 08 là công bà D cải tạo, gìn giữ di sản. Phần cụ K có giá trị là 4.500.000.000 đồng (trong đó phần riêng của cụ K hưởng từ cụ L là 500.000.000 đồng) chia làm 04 phần (mỗi phần là 1.125.000.000 đồng) cho các bà P, T, D, T1; bà D được hưởng thêm phần của bà T, nên được hưởng là 2.250.000.000 đồng (1.125.000.000 đồng x 2). Bà D bỏ ra chi phí sửa chữa nhà 300.000.000 đồng nên các bà P, Thủy, T mỗi người phải trả cho bà D chi phí này là 50.000.000 đồng, do phần thừa kế của bà T giao cho bà D hưởng nên bà T không phải trả chi phí này cho bà D. Bà Thủy, bà A mỗi người được hưởng 500.000.000 đồng thừa kế phần cụ L, nên có trách nhiệm mỗi người trả cho bà D 50.000.000 đồng chi phí sửa chữa nhà, vậy mỗi người còn được hưởng 450.000.000 đồng. Tổng cộng bà D được hưởng 3.950.000.000 đồng. Bà D yêu cầu nhận hiện vật, trả giá trị cho các đồng thừa kế có yêu cầu khác.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T đối với Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp P thẩm sửa Bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu của bà về việc được chia 1/6 di sản thừa kế bằng giá trị với số tiền là 1.333.000.000 đồng (thống nhất căn nhà và đất trị giá là 8.000.000.000 đồng), bà T đồng ý để cho bà P, bà D và bà T1 được tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu căn nhà gắn liền diện tích đất. Bà T không công nhận Tờ thỏa thuận ngày 07/7/2005 là thỏa thuận về việc bà đã nhận thừa kế tài sản của cha mẹ nên không nhận tài sản thừa kế nào nữa, mà Tờ thỏa thuận này chỉ là việc thỏa thuận mua bán nền nhà cùng với bà D mà thôi.

[2.3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đã đủ cơ sở để xác định căn nhà và đất mà các bên đang có tranh chấp và nguyên đơn đang có yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là của cụ L và cụ K chuyển nhượng của Ủy ban nhân Phường 2, thị xã Cao L (nay là thành phố Cao L) vào ngày 06/7/1989. Năm 1995, cụ L chết, cụ Kn và các con gồm Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị Ngọc T1 tiếp tục quản lý, sử dụng nhà và đất tranh chấp. Ngày 17/02/2003, cụ K lập di chúc để lại tài sản cho 06 người con gái gồm: bà A, bà T, bà P, bà T, bà D và bà T1. Di chúc của cụ K để lại là di chúc được lập thành văn bản và có người làm chứng, cụ K lập di chúc trong lúc tinh thần minh mẫn, thị lực hai mắt đếm được bóng ngón tay cách 50cm theo Kết luận tại Bản giám định sức khỏe của Hội đồng giám định y khoa ngày 22/01/2003. Vì vậy, di chúc ngày 17/02/2003 là di chúc hợp pháp, nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị D là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc được hưởng một 1/6 di sản thừa kế của cụ L và cụ K theo di chúc ngày 17/02/2003 với số tiền 1.333.000.000 đồng. Xét thấy, do ngày 07/7/2005 bà T thỏa thuận với bà D là bà D đưa cho bà T số tiền 50.000.000 đồng thì bà T không yêu cầu chia tài sản của cha mẹ để lại và bà D có yêu cầu nhận phần thừa kế của bà T, nên không chấp nhận yêu cầu được hưởng thừa kế của bà T. Phần thừa kế của bà T được giao toàn bộ cho bà D do bà D đã đưa tiền thừa kế cho bà T.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử P thẩm xét thấy việc chia di sản thừa kế tại Bản án số 26/2020/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế do cụ Lực, cụ Khén để lại của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị A, chia cho bà T, bà A mỗi người được hưởng giá trị là 1.250.000.000 đồng là có cơ sở. Đồng thời, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử P thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2.5] Xét thấy lời trình bày và đề nghị của Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị D là chưa phù hợp nên không chấp nhận, lý do đã được phân tích ở các phần trên.

[2.6] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa P thẩm về đường lối giải quyết vụ án là có cơ sở.

[2.7] Các phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.8] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị T nên bà D, bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 38, Điều 148 và khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 623, Điều 625, Điều 628, Điều 630, Điều 657 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị A.

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị A được chia giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn L và cụ Trần Thị K để lại mỗi người là 1.250.000.000 đồng (*một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới trả giá trị di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị A mỗi người số tiền 1.250.000.000 đồng (*một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 được cùng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và sử dụng căn nhà số XX, đường LY Thường K, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/4/2018, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 26/11/2020 và sơ đồ mốc, bản đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp).

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

3. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T.

4. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà A, bà T, bà P, bà T, bà D, bà T1 về tổng chi phí sửa chữa nhà là 300.000.000 đồng: Bà Thủy, bà A mỗi người có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 50.000.0000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Tổng số tiền là 4.262.000 đồng, do bà T tạm ứng và chi xong; bà A, bà Thủy, bà P, bà T (do bà D chịu), bà D và bà T1 mỗi người có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 710.333 đồng.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị A được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 25.995.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000014 ngày 16/11/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 25.995.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007435 ngày 08/12/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 8.245.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007544 ngày 07/12/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Cao L, Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 113.500.000 đồng (*một trăm mười ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

7. Án phí dân sự P thẩm:

Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự P thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0015491 ngày 17/5/2021 (thu của bà D) và biên lai thu số 0015496 ngày 18/5/2021 (thu của bà T) của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị T đã nộp án phí dân sự P thẩm xong.

8. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân TP. Cao L;
- Chi Cục THA DS TP. Cao L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh